

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014 TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025 VND	Vay thêm VND	Phân loại lại VND	Hoàn trả VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/3/2025 VND
Vay ngắn hạn	9.115.435.107.250	4.906.420.913.926	5.039.505.000	(3.967.677.101.750)	847.592.969	10.060.066.017.395

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền tệ	31/3/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	8.844.542.315.000	7.900.182.004.250
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	(i)	VND	800.000.000.000	800.000.000.000
Ngân hàng HSBC Hoa Kỳ	(ii)	USD	108.990.104.395	45.864.045.000
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	306.533.598.000	306.533.598.000
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt, Chi nhánh Xiêng Khoảng	(i)	USD	-	39.859.560.000
Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào	(i)	USD	-	22.995.900.000
			10.060.066.017.395	9.115.435.107.250

(i) Các khoản vay này không được đảm bảo.

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 891.355 triệu VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 (1/1/2025: 766.773 triệu VND).